|  |  |
| --- | --- |
|  UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/......  |

**TUẦN 1 -TIẾT 1**

**HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP BỘ MÔN**

**I.ĐỒ DÙNG HỌC TẬP:**

 **HS chuẩn bị :**

 **1.Vở** : - Vở ghi (khuyến khích HS sử dụng vở 200 trang)

 - Vở soạn bài và làm bài tập (khuyến khích HS sử dụng vở 200 trang)

 -Vở nháp.

 -Sổ tay văn học (ghi chép những câu văn, câu thơ hay)

 **2. Sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1,2**

 **3.Bảng phụ, bút viết bảng, nam châm, thước kẻ, bút chì, bút đỏ...**

**II.PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY**

**1.Vở ghi:**

- Bọc và dán nhãn tên, ghi rõ các thông tin cá nhân.

- Đầu vở có phân phối chương trình, lịch kiểm tra và yêu cầu môn học.

- Đầu mỗi tiết ghi thứ ngày, tháng, năm; tiết, mục bài. Khi viết cần gạch chân các đề mục lớn của bài học; hết bài học cần gạch ngang.

- Khi viết chỉ sử dụng một màu mực phù hợp (Bút đỏ chỉ dùng để các ghi mục bài học)

**2.Vở soạn bài và làm bài tập**: (Trình bày như vở ghi)

**3. Các bài kiểm tra và bài viết:** (Đối với các tiết học trực tiếp ở trên lớp)

**-** Đối với kiểm tra miệng GV sẽ kiểm tra bài cũ thường xuyên trước mỗi tiết học bài mới

 - Đối với các bài kiểm tra trên giấy .

 +Cần ghi đầy đủ thứ, ngày, họ tên, lớp.

 +Bài viết làm trên mẫu giấy của nhà trường.

 +Khi làm bài không viết tắt, không dùng mực đỏ, bút chì, bút xóa. Chỉ sử dụng một màu mực.

 - Mỗi em có một bì đựng giấy và bài kiểm tra của cả năm học.

**III.PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP**

**1.Phần văn bản**: HS cần soạn trước ở nhà: Đọc kĩ văn bản, tóm tắt các nội dung chính và soạn các câu hỏi phần Đọc - hiểu văn bản.

**2.Phần Tiếng Việt**: Xem trước phần lý thuyết. Học xong lí thuyết trên lớp mới làm bài tập, trừ tiết luyện tập và chương trình địa phương.

**3.Phần Tập làm văn**: Xem trước phần lí thuyết, cần chuẩn bị những phần bài tập mà giáo viên yêu cầu.Trên lớp học xong lí thuyết mới làm bài tập, trừ một số tiết luyện nói, ôn tập.

**VI. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI CỦA HỌC SINH**

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 1 -** **TIẾT 2**

**Tự học có hướng dẫn:**

 **BÁNH CHƯNG BÁNH GIẦY (Truyền thuyết)**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1. **Tìm hiểu chung**
2. Thể loại: Truyền thuyết
3. Kiểu văn bản: Tự sự
4. Bố cục: 3 phần
* Phần 1: Từ đầu đến *có Tiên vương chứng giám*
* Phần 2: Tiếp theo đến *xin Tiên vương chứng giám*
* Phần 3: Còn lại
1. **Tìm hiểu chi tiết**
2. Vua Hùng chọn người nối ngôi:
* Hoàn cảnh:

+ Vua đã già cần tìm người nối ngôi

+ Có 20 người con trai

+ Đất nước thái bình, nhân dân no ấm

* Ý vua: Người nối ngôi vua phải nối được chí vua, không quan trọng con trưởng
* Hình thức: Vua ra câu đố tìm lễ vật dâng lễ tiên vương vừa ý vua
* Vị vua anh minh, sáng suốt
1. Cuộc đua tài dâng lễ vật:
* Các lang đều dâng sơn hào hải vị, nem công chả phượng
* Riêng Lang Liêu dâng lên hai chồng bánh được làm từ gạo
1. Kết quả cuộc đua tài

Vua chọn hai thứ bánh của Lang Liêu làm vật dâng lễ Tiên vương và đặt tên cho chúng là bánh chưng và bánh giầy

1. **Tổng kết**
2. Nội dung (ý nghĩa)
* Giải thích nguồn gốc hai loại bánh chưng và bánh giầy
* Phong tục thờ cúng tổ tiên
* Đề cao nghề trồng lúa nước
1. Nghệ thuật

Sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo

**II. BÀI TẬP**

1. **Em hãy kể tóm tắt truyền thuyết *“ Bánh chưng bánh giầy*”?( khoảng 7 – 8 dòng)**

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**2.Truyền thuyết *“ Bánh chưng bánh giầy”* có ý nghĩa gì?**

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 1- TIẾT 3**

 **BÀI: TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Từ là gì?**

Câu 1 (trang 13 SGK Ngữ Văn 6 Tập 1):

   - Các tiếng : *thần/ dạy/ dân/ cách/ trồng/ trọt/ chăn/ nuôi/ và/ cách/ ăn/ ở*.

   - Các từ : *thần/ dạy/ dân/ cách/ trồng trọt/ chăn nuôi/ và/cách/ ăn ở*.

Câu 2 (trang 13 SGK Ngữ Văn 6 Tập 1):

   - *Tiếng* là âm thanh được phát ra. Mỗi tiếng là một âm tiết( chữ)

   - *Từ* là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa tạo thành câu.

   - *Tiếng* cấu tạo nên từ, *từ* cấu tạo nên câu. Một *tiếng* được coi là *từ* khi nó có nghĩa.

 Ghi nhớ 1/SGK/13

**2.Từ đơn và từ phức:**

Quan sát ví dụ: *thần/ dạy/ dân/ cách/ trồng/ trọt/ chăn/ nuôi/ và/ cách/ ăn/ ở*.

- Có 12 từ có một tiếng

- Có 4 từ có 2 tiếng

Từ có một tiếng gọi là từ đơn

Từ có hai tiếng gọi là từ phức.

**Bài học:**

-Từ đơn: là từ chỉ gồm một tiếng.

-Từ phức: gồm hai hoặc nhiều tiếng.

-Từ phức được chia làm 2 loại là từ ghép và từ láy

+ Từ ghép: Ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa :

 Ví dụ: quần áo, sách vở….

+ Từ láy: Có quan hệ láy âm hoặc láy vần giữa các tiếng

 Ví dụ: long lanh, rì rầm….

Ghi nhớ 2/SGK/14

**II. BÀI TẬP**

**1. Học thuộc ghi nhớ 1 và 2 SGK/ 13,14**

**2. Trong câu:** “ ***Người Việt Nam ta- con cháu vua Hùng- khi nhắc đến nguồn gốc của mình thường xưng là con Rồng cháu Tiên”***

a/ Các từ nguồn gốc, con cháu thuộc kiểu cấu tạo từ nào?

b/ Tìm từ đồng nghĩa với từ “nguồn gốc” trong câu trên?

c/ Tìm các từ láy tả tiếng cười, tiếng nói, dáng điệu?

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 1 - TIẾT4**

 **BÀI: GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

 **I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1**.**Văn bản và mục đích giao tiếp:**

- HS trả lời được các câu hỏi SGK/16 như sau:

**a.** Muốn biểu đạt tư tưởng, tình cảm cần dùng ngôn ngữ nói hoặc viết.

**b.** Để biểu đạt tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng một cách đầy đủ, trọn vẹn phải xác định rõ mục đích giao tiếp, lập văn bản có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, biểu đạt phù hợp.

**c.** Câu ca dao được sáng tác để truyền đạt một tư tưởng, một lời khuyên. Nói lên lập trường, ý chí và niềm tin vào chính mình trong mọi hoàn cảnh. Hai câu 6 và 8 liên kết với nhau bằng cách bắt vần *bền-nền*, nội dung biểu đạt. Câu ca dao biểu đạt trọn vẹn ý và có thể coi là một văn bản.

**d.** Lời phát biểu của thầy cô hiệu trưởng trong lễ khai giảng năm học là một văn bản. Vì nó có chủ đề cụ thể, có liên kết, bố cục rõ ràng, có cách diễn đạt phù hợp.

**đ.** Bức thư em viết cho bạn bè, người thân là một văn bản có chủ đề, nội dung.

**e.** Những đơn xin học, bài thơ, truyện cổ tích, câu đối, thiếp mời,… đều là văn bản. Ngoài ra có bài tập làm văn, thư cảm ơn, một bài thuyết trình,… cũng là văn bản.

 Kết luận: Giao tiếp là gì? Văn bản là gì? ( Ghi nhớ chấm 1,2 SGK/17)

**2.** **Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt:**

Gồm 6 kiểu văn bản và phương thức biểu đạt sau: (ghi nhớ chấm 3 SGK/17)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt | Mục đích giao tiếp |
| 1 | Tự sự | Trình bày diễn biến sự việc |
| 2 | Miêu tả | Tái hiện trạng thái sự vật, con người |
| 3 | Biểu cảm | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc |
| 4 | Nghị luận | Nêu ý kiến đánh giá, bàn luận |
| 5 | Thuyết minh | Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp |
| 6 | Hành chính công vụ | Trình bày ý muốn quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người |

**II. BÀI TẬP**

 **1.Bài tập 1 SGK/17,18.** (Các em hãy đọc kĩ các đoạn văn và trả lời theo yêu cầu của bài tập1)

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**2. Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên thuộc kiểu văn bản nào? Vì sao em biết như vậy?**

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 2 – TIẾT 5,6:**

 **BÀI: THÁNH GIÓNG (Truyền thuyết)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

 **1. Tìm hiểu chung**:

a. Đọc – Tóm tắt:

b. Tìm hiểu chú thích

c. Bố cục: 4 đoạn.

- Đoạn 1: Từ đầu 🡪... nằm đấy

- Đoạn 2: Tiếp 🡪... cứu nước

- Đoạn 3: Tiếp 🡪... lên trời

- Đoạn 4: Còn lại

**2. Tìm hiểu nội dung văn bản:**

**a. Hoàn cảnh ra đời của Thánh Gióng:**

- Sự ra đời kỳ lạ

- Khác thường.

**b. Thánh Gióng ra trận đánh giặc:**

- Gióng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc

→Ca ngợi ý thức đánh giặc cứu nước

- Gióng lớn lên bằng sự đùm bọc, che chở của nhân dân.

→Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng.

- Thánh Gióng đánh giặc bằng cả vũ khí thô sơ, bình thường nhất.

- Không màng danh lợi, địa vị, được bất tử hóa.

**c. Những dấu tích để lại:**

- Đền thờ, sắc phong, hội làng, tre đằng ngà.

- Thánh Gióng vẫn còn sống mãi với non sông, đất nước.

**3. Tổng kết:** (Ghi nhớ SGK /23)

**II.BÀI TẬP:**

**Bài tập 1**: **Tóm tắt văn bản Thánh Gióng**

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**Bài tập 2**: **Hình ảnh nào của Gióng là hình ảnh đẹp nhất trong mắt em?**

*.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 2 -TIẾT 7**

**BÀI: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Ý nghĩa và đặc điểm chung của văn tự sự**

1. **Xét ví dụ1**

Trong đời sống hằng ngày ta thường nghe những yêu cầu và câu hỏi:

* Bà ơi, bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe đi!
* Cậu kể cho mình nghe Lan là người như thế nào?
* Bạn An gặp chuyện gì mà lại thôi học nhỉ?
* Thơm ơi, lại đây tớ kể cho nghe câu chuyện này hay lắm.

Gặp những trường hợp như thế, **người nghe** muốn biết một câu chuỵên và mong muốn được nghe kể chuyện. Còn **người kể** sẽ phải kể một câu chuyện

Trong những trường hợp trên, câu chuyện phải có một ý nghĩa nào đó. Ví dụ muốn người nghe hiểu Lan là người tốt thì người kể phải kể ra cụ thể những việc làm, hành động…để chứng tỏ điều đó( như hay giúp đỡ bạn bè, dắt em nhỏ qua đường…)

1. **Xét ví dụ2**

Truyền thuyết “Thánh Gióng”

* Cho ta biết

+ Truyện kể về cậu bé làng Gióng còn gọi là Thánh Gióng

+ Ở thời Hùng vương thứ sáu

+ Gióng đánh tan gặc Ân cứu nước

* Diễn biến các sự việc

+ Gióng ra đời

+ Gióng lớn bổng phi thường

+ Gióng đi đánh giặc

* Kết quả

+ Gióng tiêu diệt được giặc

+ Gióng bay về trời

* Ý nghĩa

+ Truyện tiêu biểu cho hình ảnh người anh hùng đánh giặc cứu nước

+ Tiêu biểu cho lòng yêu nước chống ngoại xâm

* Các sự việc chính trong văn bản “ Thánh Gióng”

+ Sự ra đời của Thánh Gióng

+ Gióng biết nói và đòi đi đánh giặc

+ Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ ra trận đánh giặc

+ Gióng đánh tan giặc, bay về trời

+ Vua lập đền thờ

+ Dấu tích để lại

Thứ tự các sự việc trên không thể thay đổi, bởi từ sự việc này mới dẫn đến sự việc kia và sự việc kết thúc.

**c.Bài học**

Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên ta rút ra :

* Tự sự ( kể chuyện) là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.
* Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.

**II.BÀI TẬP**

1. **Đọc mẫu chuyện sau và trả lời câu hỏi**:

ÔNG GIÀ VÀ THẦN CHẾT

Một lần ông già đẵn xong củi và mang về. Phải mang đi xa ông già kiệt sức đặt bó củi xuống rồi nói:

* Chà, giá Thần Chết đến mang ta đi có phải hơn không!

 Thần Chết đến và bảo:

* Ta đây, lão cần gì nào?

 Ông già sợ hãi bảo:

* Lão muốn ngài nhấc hộ bó củi lên cho lão

 ( Lép Tôn-xtôi, Kiến và chim bồ câu)

 Câu hỏi:

Hãy cho biết: Trong chuyện này, phương thức tự sự thể hiện như thế nào? Câu chuyện thể hiện ý nghĩa gì?

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**2.Em hãy kể câu chuyện để giải thích vì sao người Việt Nam tự xưng là con Rồng cháu Tiên?**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*